

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 194/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Bình Phước thời kỳ 2006 - 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3270/BKH-TĐ&GSDT ngày 10 tháng 5 năm 2006 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước thời kỳ 2006 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước thời kỳ 2006 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước thời kỳ 2006 - 2020 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước; bảo đảm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đặc biệt là giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo công bằng xã hội và đoàn kết dân tộc; giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính nhà nước; giữa phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế

theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm và tỷ trọng hàng hóa; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy các thế mạnh, lợi thế của Tỉnh; huy động tối đa nội lực đi đôi với thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài, nhất là vốn đầu tư và khoa học - công nghệ. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh.

Đầu tư phát triển toàn diện, kết hợp đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và phát triển nông thôn; hoàn thành cơ bản kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

Thực hiện chiến lược phát triển con người, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là đồng bào vùng sâu và các đối tượng chính sách.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển đô thị theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng Bình Phước trở thành tỉnh có kinh tế phát triển toàn diện, xã hội văn minh, môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh, quốc phòng được giữ vững; phấn đấu trở thành tỉnh phát triển mạnh trong khu vực và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 14% - 15%/năm thời kỳ 2006 - 2010, 15,5%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 13,5%/năm thời kỳ 2016 - 2020.

- GDP bình quân đầu người đạt 560 - 600 USD vào năm 2010 và 1.628 USD vào năm 2020 (theo giá thực tế).

- Cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Giai đoạn 2006 - 2010, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp - xây dựng là 29,3%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 21,9%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 16,3%/năm, tương ứng với cơ cấu kinh tế sau:

+ Năm 2010: ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 42,9%, công nghiệp - xây dựng 28,8% và dịch vụ 28,3% trong GDP;

+ Năm 2020: ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 19,5%, công nghiệp - xây dựng 43% và dịch vụ 37,5% trong GDP.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 410 triệu USD và năm 2020 là 2.700 triệu USD. Thu ngân sách đến năm 2010 đạt 1.500 - 1.600 tỷ đồng và năm 2020 đạt 6.370 tỷ đồng;

- Huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội bình quân hàng năm chiếm 20% GDP.

b) Về xã hội:

- Năm 2010, có 100% huyện, thị hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, trong đó có 2 huyện, thị hoàn thành phổ cập trung học phổ thông; năm 2020 có 100% huyện, thị hoàn thành phổ cập trung học phổ thông.

Đến năm 2015 chuẩn hóa 100% đội ngũ giáo viên.

Số trường đạt chuẩn quốc gia đạt 42% - 43% vào năm 2010 và đạt 100% vào năm 2020.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 28% vào năm 2010 và đạt 55% - 60% vào năm 2020.

- Đến năm 2010, 100% số xã có bác sĩ, có 7 bác sĩ và 18 giường bệnh/1 vạn dân; năm 2015 có 10 bác sĩ và 22 giường bệnh/1 vạn dân và đến năm 2020 có 15 bác sĩ và 25 giường bệnh/1 vạn dân.

Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 26,5% năm 2005 xuống còn 20% vào năm 2010, dưới 15% vào năm 2015 và dưới 10% vào năm 2020. Giảm tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh từ 0,18% năm 2005 còn 0,1% vào năm 2010.

- Đến năm 2010, 100% số xã được phủ sóng phát thanh, sóng truyền hình.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 5% vào năm 2010 và cơ bản không còn hộ nghèo (theo chuẩn mới) vào năm 2020.

III. Định hướng phát triển ngành và lĩnh vực

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa. Phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững. Đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, chuyên

canh để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh phù hợp với tiềm năng và lợi thế so sánh của tỉnh như: vùng trồng cây công nghiệp dài ngày (cao su, tiêu, điều); vùng cây ăn quả; vùng đồng cỏ phục vụ chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò). Phấn đấu chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành: đến năm 2010 giá trị sản xuất chăn nuôi chiếm 11,96% và năm 2020 chiếm 19,9% tổng giá trị của ngành.

Nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm giá trị sản xuất của ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản thời kỳ 2006 - 2010 là 8,6%, thời kỳ 2011 - 2015 là 7,6% và thời kỳ 2016 - 2020 là 6%.

2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Tập trung cao độ mọi khả năng, nguồn lực để phát triển công nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành xây dựng. Nhanh chóng xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp trên cơ sở phân kỳ đầu tư hợp lý, phù hợp với tiến độ thu hút các dự án đầu tư. Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, trước hết là nhóm ngành chế biến nông sản; đổi mới thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm; mở rộng quy mô sản xuất, tạo ra lượng sản phẩm hàng hóa lớn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Phát triển công nghiệp khai thác đá xây dựng, sản xuất xi măng, gạch ngói và sản xuất, phân phối điện, nước. Đa dạng hóa các loại hình sản xuất công nghiệp, thực hiện tốt công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn. Phát triển các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, sử dụng có hiệu quả nguồn lao động nhàn rỗi theo thời vụ trong nông nghiệp và nông thôn. Liên kết chặt chẽ với thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, chủ động tiếp nhận một số cơ sở công nghiệp các khu đô thị lớn.

3. Thương mại - dịch vụ

Mở rộng giao thương với các địa phương trong và ngoài Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và với nước ngoài.

Đối với thị trường nước ngoài cần tập trung phát triển các mặt hàng chủ lực nằm trong chiến lược xuất khẩu của tỉnh như: cao su, hạt điều, đồ gỗ tinh chế,...; mở rộng buôn bán với Campuchia và các nước trong khu vực cùng với việc phát triển kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.

Đẩy mạnh phát triển du lịch và dịch vụ nhằm tăng cường sự đóng góp vào sự

tăng trưởng chung của tỉnh, đồng thời, qua đó giới thiệu tiềm năng của Tỉnh để thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Giá trị sản xuất, kinh doanh ngành thương mại - dịch vụ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt 16% - 17%/năm, 2011 - 2015 đạt 15,5%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14,7%/năm.

4. Thu, chi ngân sách

Tăng nguồn thu ngân sách của Tỉnh trên cơ sở đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cả về quy mô và hiệu quả. Tiếp tục khai thác có hiệu quả nguồn thu từ quỹ đất, quỹ nhà ở. Phần đầu đến năm 2010, tổng mức huy động vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 17,9% GDP, năm 2015 đạt 22% GDP và năm 2020 đạt 23% GDP.

Trong những năm trước mắt, chi ngân sách nhà nước tập trung hợp lý cho những vấn đề cấp thiết như y tế, giáo dục, giao thông, một số lĩnh vực xã hội khác, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

5. Định hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Đặc biệt chăm lo về giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời làm tốt các chính sách xã hội khác.

- Giáo dục đào tạo

Coi trọng công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực làm khoa học - công nghệ trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề. Tăng cường chất lượng và hiệu quả trong giáo dục và đào tạo.

Tăng cường đào tạo và có chính sách ưu đãi để thu hút mạnh đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp, bổ sung đồ dùng, trang thiết bị phục vụ dạy và học. Từ nay đến năm 2010, thực hiện kiên cố hóa các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Xây dựng phương án đào tạo cán bộ cho các ngành, các cấp huyện và xã, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và lực lượng lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh. Đẩy nhanh và nâng cao chất lượng xã hội hóa công tác đào tạo. Phát triển nhiều hình thức đào tạo nghề, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo.

09693932
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft

- Y tế

Tăng cường, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế từ tỉnh xuống cơ sở, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giải quyết tốt vấn đề chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Củng cố và phát triển hệ thống y tế dự phòng. Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đặc biệt là Bệnh viện Đa khoa Tỉnh. Coi trọng phát triển nguồn dược liệu phục vụ cho việc chữa bệnh, nhất là trong lĩnh vực y học cổ truyền.

Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình; phấn đấu mục tiêu gia đình chỉ có 1 - 2 con.

- Văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thông tin, thể dục - thể thao, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xã hội hóa văn hóa, thể dục - thể thao trong nhân dân, đặc biệt chú ý vùng nông thôn. Xây dựng và nâng cấp các cơ sở văn hóa, thể thao với quy mô hợp lý ở làng, bản. Bảo tồn các di tích cách mạng, di tích lịch sử, văn hóa. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các hoạt động văn hóa thông tin. Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới thư viện từ tỉnh xuống huyện. Phát triển nhanh và hiệu quả mạng lưới phát thanh, truyền hình, đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương. Tạo bước phát triển mới cả về quy mô và chất lượng phong trào thể dục - thể thao quần chúng.

- Giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân.

Thực hiện đồng bộ và hiệu quả chương trình giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép chương trình xóa đói, giảm nghèo với các chương trình xã hội khác trên địa bàn Tỉnh.

6. Quốc phòng, an ninh

Gắn kết hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Nâng cao sức mạnh tổng hợp của thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc cùng với việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao. Củng cố các đồn biên phòng, bảo đảm an ninh biên giới gắn liền với giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị 2 nước Việt Nam và Campuchia, xây dựng vùng biên giới vững mạnh toàn diện, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Từng bước nâng cấp và xây dựng mới kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó ưu tiên các trục đường chính và mạng lưới giao thông tại các khu trung tâm hành chính của các huyện, thị, các khu công nghiệp, các cửa khẩu. Đồng thời quan tâm đầu tư phát triển giao thông nông thôn.

Mở rộng và hiện đại hóa mạng lưới bưu chính, viễn thông. Phấn đấu đến năm 2010, 100% thị trấn, huyện lỵ được phủ sóng điện thoại di động, bình quân trên toàn tỉnh có 23 - 24 máy điện thoại/100 dân và đến năm 2020 đạt 35 máy/100 dân.

Đẩy mạnh điện khí hóa nông thôn. Từ nay đến năm 2020 toàn tỉnh đạt 100% xã, phường có điện.

Nâng tỷ lệ số hộ được dùng điện năm 2010 lên 90% và năm 2020 là 100%.

IV. Định hướng phát triển theo lãnh thổ

1. Phát triển vùng kinh tế

- Vùng I (vùng trung tâm): nằm ở phía Nam của tỉnh bao gồm các đơn vị hành chính: thị xã Đông Xoài, huyện Chợ Thành; thị trấn An Lộc; các xã phía Nam của huyện Bình Long; thị trấn Tân Phú và xã Tân Lập thuộc huyện Đồng Phú. Định hướng tập trung phát triển công nghiệp - du lịch - dịch vụ gắn liền với các trục giao thông quan trọng: đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 14, quốc lộ 13, đường 741, tuyến đường sắt Chợ Thành - Đắc Nông, tuyến đường sắt Chợ Thành - Lộc Ninh - Campuchia. Đây là vùng có mật độ dân cư đông đúc, đô thị hóa cao và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

- Vùng II: nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh bao gồm các đơn vị hành chính: các xã phía Nam và Đông Nam huyện Lộc Ninh, Bù Đốp; các xã phía Bắc huyện Bình Long; các xã phía Nam huyện Phước Long, một phần huyện Bù Đăng và các xã còn lại của huyện Đồng Phú. Định hướng phát triển nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ - du lịch.

- Vùng III: nằm ở phía Tây và phía Đông của tỉnh bao gồm các đơn vị hành chính: các xã phía Bắc huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Bình Long; các xã phía Đông

và Đông Nam của huyện Bù Đăng và một phần phía Đông của huyện Đồng Phú. Vùng có tiềm năng phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, kết hợp du lịch sinh thái.

2. Định hướng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn

- Các khu vực trung tâm phát triển

+ Khu vực 1: bao gồm thị xã Đồng Xoài, thị trấn Chơn Thành, thị trấn Tân Phú và các thị trấn vệ tinh Nghĩa Trung, Minh Lập, Nha Bích, Phú Riềng.

+ Khu vực 2: bao gồm thị trấn An Lộc, Lộc Ninh.

+ Khu vực 3: bao gồm thị trấn Thác Mơ, Phước Bình, Thanh Bình, Đức Phong.

- Các trục hành lang tăng trưởng

+ Trục hành lang quốc lộ 14

+ Trục hành lang quốc lộ 13

+ Trục hành lang đường 741

3. Định hướng quy hoạch các đơn vị hành chính đến năm 2020

Dự kiến đến năm 2020 tỉnh Bình Phước có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã bao gồm: 03 thị xã (Đồng Xoài, Bình Long, Phước Long), 09 huyện; trong đó có 130 xã, phường, thị trấn.

V. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện quy hoạch

1. Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh

Đẩy mạnh tiến trình cải cách hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức và phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan các cấp, tăng cường kỷ luật hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đi đôi với bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; qua đó nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền, tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

2. Huy động vốn đầu tư

- Đối với nguồn vốn ngân sách: ngoài các nguồn vốn đầu tư cho các dự án của Trung ương trên địa bàn, Tỉnh sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, trong đó có các công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt, mở rộng mạng lưới giao thông nông thôn, lưới điện.

- Trong khuôn khổ của pháp luật về đất đai, có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Đối với các nguồn vốn bên ngoài: cùng với việc làm tốt công tác thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, cần tranh thủ các nguồn vốn ODA để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên cho hạ tầng nông thôn, chú ý đầu tư cho xã nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

- Có cơ chế, chính sách để động viên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển kinh tế, nhất là phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

Dự kiến huy động vốn đầu tư trong giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 14.134 tỷ đồng, giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 29.260 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 61.675 tỷ đồng (giá năm 2005).

3. Giải pháp về quy hoạch

Đưa công tác quy hoạch vào nền nếp, trở thành công cụ đắc lực của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế. Triển khai phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và giám sát quy hoạch. Thực hiện công tác đầu tư theo quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác.

4. Đổi mới, sắp xếp và phát triển các thành phần kinh tế

Thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp; tháo gỡ các khó khăn của doanh nghiệp; sắp xếp tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với các nông trường, lâm trường quốc doanh. Nghiên cứu, ban hành một số chính sách ưu đãi phát triển một số ngành mũi nhọn; hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp, tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn nhà đầu tư. Khuyến khích và hỗ trợ, đặc biệt là hỗ trợ bằng việc bảo đảm hành lang pháp lý và sự công bằng cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển.

5. Chính sách khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào các ngành sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và dịch vụ; nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, chuyển giao công nghệ, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật.

09693932
LawSofit * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Chú trọng việc bảo vệ môi trường và giữ cân bằng sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

6. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Coi trọng công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí; có kế hoạch đào tạo lực lượng lao động phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh; tạo động lực khuyến khích người lao động phát huy sức lực, trí tuệ nhằm nâng cao hiệu quả lao động. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Có chính sách thu hút nguồn lao động chất lượng cao từ các địa phương khác đến làm việc tại Tỉnh.

7. Tăng cường hợp tác với các tỉnh và mở rộng thị trường

Tăng cường hợp tác kinh tế với các địa phương trong cả nước, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, hình thành cơ chế riêng để kêu gọi các nhà đầu tư đến với Bình Phước; xây dựng chương trình vận động nguồn vốn ODA, FDI ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng đô thị và nông thôn, y tế, giáo dục, xóa đói, giảm nghèo.

Quan tâm mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước. Nâng cao chất lượng, đổi mới mẫu mã sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển thị trường một cách vững chắc; quan tâm hơn nữa việc tạo dựng và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa có tiềm năng phát triển.

8. Tổ chức thực hiện

Công bố rộng rãi Quy hoạch được phê duyệt; nghiên cứu, triển khai thực hiện Quy hoạch đồng bộ và toàn diện; xây dựng các kế hoạch để thực hiện Quy hoạch đạt kết quả và hiệu quả cao; thường xuyên cập nhật để đề nghị điều chỉnh Quy hoạch khi cần thiết.

Điều 2. Quy hoạch này là định hướng, cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành, các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh theo quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong Quy hoạch, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định:

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và pháp luật của nhà nước trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

- Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung hoặc từng bước bố trí ưu tiên hợp lý.

- Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch này kịp thời, phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và cả nước trong từng giai đoạn Quy hoạch.

Điều 4. Giao các Bộ, ngành Trung ương liên quan hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng giai đoạn. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô lớn, có tầm ảnh hưởng liên vùng và quan trọng đối với sự phát triển của Tỉnh đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án đầu tư được nêu trong Quy hoạch. Hỗ trợ Tỉnh tìm và bố trí các nguồn vốn đầu tư trong nước và ngoài nước để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 194/2006/QĐ-TTg
ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Các chương trình, dự án về thủy lợi:

1. Hồ suối Cam 2 (thị xã Đồng Xoài);
2. Tưới và cấp nước trại giống (thị xã Đồng Xoài);
3. Hồ suối Phèn (huyện Lộc Ninh);
4. Hồ Kliêu (huyện Lộc Ninh);
5. Hồ Bình Giai (huyện Phước Long);
6. Hồ Phú Châu (huyện Phước Long);
7. Hồ Bù Gia Mập 1 (huyện Phước Long);
8. Hệ thống thủy lợi Hưng Phú (huyện Bù Đăng);
9. Hồ Văn Phòng (huyện Bù Đăng);
10. Hồ suối Heo (huyện Bình Long);
11. Hồ M26 (huyện Bù Đốp);

II. Các chương trình, dự án về công nghiệp:

12. Khu công nghiệp Chơn Thành;
13. Khu công nghiệp Tân Thành;
14. Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc;
15. Khu công nghiệp Nam Đồng Phú;

III. Các chương trình, dự án về y tế, giáo dục và các lĩnh vực khác:

16. Hoàn thiện các trường phổ thông để đạt chuẩn quốc gia (toàn Tỉnh);
17. Hệ thống cấp nước Khu trung tâm hành chính và Khu công nghiệp Nam Đồng Phú (huyện Đồng Phú);

18. Hệ thống cấp nước khu dân cư thị trấn Chợ Thành và các khu công nghiệp Chợ Thành (huyện Chợ Thành);
19. Đầu tư xây dựng và phát triển Vườn quốc gia Bù Gia Mập, giai đoạn 2005 - 2009 (huyện Phước Long);
20. Khu dân cư và trụ sở ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thị xã Đồng Xoài);
21. Chợ đầu mối (huyện Chợ Thành);
22. Hạ tầng kinh tế cửa khẩu Tịnh (huyện Lộc Ninh);
23. Trung tâm thương mại cửa khẩu (huyện Lộc Ninh);
24. Xây dựng khu du lịch suối Cam (thị xã Đồng Xoài);
25. Xây dựng, tôn tạo khu du lịch sinh thái Tà Thiết (huyện Lộc Ninh);
26. Bệnh viện huyện Bù Đốp;
27. Bệnh viện huyện Bù Đăng;
28. Bệnh viện huyện Chợ Thành;
29. Trường Phổ thông trung học Chợ Thành (huyện Chợ Thành);
30. Xây dựng các phòng học thay thế phòng tạm, phòng xuống cấp (toàn Tỉnh);
31. Tượng đài chiến thắng Đồng Xoài (thị xã Đồng Xoài);
32. Cải tạo nâng cấp đường ĐT 750 (huyện Bù Đăng, Phước Long);
33. Đường vành đai và khu dân cư hồ Sa Cát;
34. Đường vành đai hồ suối Cam (thị xã Đồng Xoài);
35. Trung tâm thương mại thị xã Đồng Xoài (thị xã Đồng Xoài);
36. Nâng cấp trang thiết bị bệnh viện đa khoa tỉnh (vốn ODA Đức);
37. Trường Phổ thông trung học Tân Khai (huyện Bình Long);
38. Trường Phổ thông trung học Đồng Phú (huyện Đồng Phú);
39. Trường trung học Y tế (thị xã Đồng Xoài);
40. Trường đào tạo nghề (huyện Chợ Thành);

41. Trung tâm Giáo dục - lao động - việc làm (huyện Chợ Thành);
42. Sân vận động Tỉnh (thị xã Đồng Xoài);
43. Máy phát hình UH 10 KW - Đài Phát thanh truyền hình (huyện Phước Long);
44. Dự án xe thu hình lưu động Đài Phát thanh truyền hình (thị xã Đồng Xoài);
45. Nâng cấp, mở rộng đường quốc lộ 1A đoạn từ km 62 + 700 đến km 95 + 100 (huyện Bình Long).

* **Ghi chú:** về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.